

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 588/TTMS-NVĐT

V/v thông báo lộ trình thực hiện và
hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu
cầu thuốc đầu thầu tập trung cấp quốc
gia giai đoạn 2024-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:



- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đơn vị mua sắm tập trung địa phương;
- Y tế các Bộ/Ngành;
- Các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Y tế để đáp ứng kịp thời thuốc cho nhu cầu khám và điều trị tại các cơ sở y tế, ngày 11/3/2024, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã ban hành công văn số 287/TTMS-NVĐT về việc hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu thuốc đầu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026. Theo đó, Trung tâm đã hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu của 29 danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 (theo bản dự thảo Thông tư ban hành danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc ngày 04/3/2024).

Ngày 20/4/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BYT quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc (bao gồm 50 danh mục thuốc). Theo đó, trong 50 danh mục thuốc có 29 danh mục thuốc đã được Trung tâm tổng hợp dự trù tại công văn 287/TTMS-NVĐT, tuy nhiên có 01 danh mục thuốc là Cephalexin 500mg, có thay đổi về dạng bào chế (theo bản dự thảo Thông tư ngày 04/3/2024 là “viên nang”, Thông tư 04/2024/TT-BYT là “viên”). Do đó còn 22 danh mục thuốc thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia chưa được hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu thuốc đầu thầu tập trung cấp quốc gia.

Để đáp ứng nhu cầu thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế đối với các thuốc thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp Quốc gia, Trung tâm tiếp tục thực hiện quy trình mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với 28 danh mục thuốc hiện đang tổng hợp nhu cầu theo nội dung Công văn số 287/TTMS-NVĐT, dự kiến thời gian thực hiện thỏa thuận khung là 24 tháng (từ ngày 01/9/2024 đến ngày 31/8/2026). Đối với 22 danh mục thuốc còn lại, Trung tâm sẽ hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu và dự kiến thời gian thực hiện thỏa thuận khung là 21 tháng (từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/8/2026).

Trên cơ sở đó, Trung tâm đề nghị các Sở Y tế, các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế và cơ sở y tế thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với 28 danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 (Phụ lục I kèm theo): Đến ngày 22/4/2024, Trung tâm đã nhận được các văn bản về tổng hợp dự trù của 63/63 Sở Y tế và 42/43 các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế (thiếu Bệnh viện Bạch Mai). Trung tâm có ý kiến như sau:

[Handwritten signature]

1.1. Đề nghị cơ sở y tế đảm bảo thuốc đáp ứng nhu cầu sử dụng đến ngày 31/8/2024 theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 94 Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024.

1.2. Hồ sơ đề nghị của một số cơ sở y tế còn thiếu, chưa đủ cơ sở tổng hợp, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đề nghị khẩn trương gửi bổ sung về Trung tâm. Trung tâm chỉ tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các đơn vị mà Trung tâm nhận được **trước ngày 30/4/2024**.
Cụ thể:

- 01 cơ sở y tế chưa có hồ sơ xây dựng và tổng hợp nhu cầu thuốc: Bệnh viện Bạch Mai.

- 09/63 Sở Y tế chưa có ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh về nhu cầu thuốc của các cơ sở y tế trong địa bàn;

- 216/1.212 cơ sở y tế đăng ký nhu cầu với số lượng tăng trên 30% số lượng đã sử dụng năm trước, năm trước chưa sử dụng nhưng chưa có ý kiến giải trình, thuyết minh cụ thể;

(Chi tiết tại Phụ lục I.a và Phụ lục I.b đính kèm).

2. Đối với 22 danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 (Phụ lục II kèm theo): Để đáp ứng nhu cầu thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh, Trung tâm đề nghị các Sở Y tế, các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế và cơ sở y tế:

2.1. Đề nghị cơ sở y tế đảm bảo thuốc đáp ứng nhu cầu sử dụng đến ngày 30/11/2024 theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 94 Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024.

2.2. Đề xuất và tổng hợp nhu cầu thuốc của các cơ sở y tế theo Phụ lục II cho 21 tháng (từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/8/2026) và gửi về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia **trước ngày 31/5/2024**, cụ thể như sau:

2.2.1. Căn cứ và yêu cầu xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc:

- Căn cứ tình hình mua thuốc, sử dụng thuốc của năm trước liền kề.
- Phù hợp nhu cầu sử dụng, mô hình bệnh tật và phân tuyến kỹ thuật.
- Xây dựng chi tiết từng thuốc, từng nhóm và phân chia tiến độ theo từng đợt (mỗi đợt 03 tháng).

- Dự trù số lượng thuốc sử dụng trong thời gian 21 tháng (kể từ 01/12/2024 - 31/8/2026).

2.2.2. Hướng dẫn tổng hợp nhu cầu thuốc:

a. Đối với Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương:

- Hướng dẫn các cơ sở y tế trên toàn tỉnh (bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc; các cơ sở y tế tư nhân và các cơ sở y tế Bộ/ngành trên địa bàn) xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của Trung tâm: ttms.moh.gov.vn.

- Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu, báo cáo Sở Y tế thẩm định nhu cầu sử dụng thuốc của tất cả các cơ sở y tế trên toàn tỉnh (bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc; các cơ sở y tế tư nhân và các cơ sở y tế Bộ/ngành trên địa bàn).

b. Đối với các cơ quan quản lý y tế các Bộ/Ngành:

- Hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc phù hợp với nhu cầu sử dụng, mô hình bệnh tật, tình hình sử dụng thuốc của các năm trước, gửi

Sở Y tế các tỉnh, thành phố nơi đơn vị đóng trên địa bàn/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương đề tổng hợp và gửi cơ quan quản lý Y tế Bộ/Ngành để báo cáo.

- Phối hợp với Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương trong việc tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các đơn vị trực thuộc.

c. Đối với các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế:

Xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu tại phần mềm của Trung tâm: ttms.moh.gov.vn trên cơ sở ý kiến Hội đồng thuốc và điều trị của đơn vị, gửi về Trung tâm để tổng hợp.

d. Để có thể thao tác chính xác trên hệ thống phần mềm của Trung tâm, các đơn vị có thể tham khảo cách lập dự trù thuốc tại địa chỉ: ncdp.vn (tại mục: Hướng dẫn các phần mềm).

2.2.3. Các tài liệu đề nghị gửi kèm theo:

a. Đối với các cơ sở y tế có đề xuất nhu cầu:

- Công văn đề xuất sử dụng thuốc kèm theo cam kết sử dụng tối thiểu 80% số lượng đã lập kế hoạch.

- Kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của Trung tâm (*Chi tiết tại biểu mẫu 01 kèm theo*)

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu, tình hình sử dụng thuốc của năm 2023, số lượng thuốc tồn kho và số lượng trong kế hoạch chưa thực hiện tại thời điểm lập dự trù của các cơ sở y tế (*Chi tiết tại biểu mẫu 02 kèm theo*). Giải trình tóm tắt kế hoạch mua thuốc đang đề nghị; nếu có thay đổi tăng trên 30% số lượng đã sử dụng của năm trước và các thuốc mới đưa vào sử dụng phải giải trình, thuyết minh cụ thể.

- Biên bản họp của Hội đồng thuốc và điều trị của cơ sở y tế.

b. Đối với các đơn vị tổng hợp nhu cầu:

- Công văn và kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của các cơ sở y tế đã được Sở Y tế thẩm định/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương (*Chi tiết tại biểu mẫu 03 kèm theo*).

- Bảng tổng hợp số lượng đề xuất chung của toàn tỉnh theo biểu mẫu trên phần mềm (*Chi tiết tại biểu mẫu 04 kèm theo*).

- Biên bản của Sở Y tế thẩm định về danh mục, số lượng thuốc, nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế đóng trên địa bàn (*kèm theo toàn bộ tài liệu liên quan đề xuất nhu cầu thuốc của các cơ sở y tế: Kế hoạch sử dụng thuốc; Thuyết minh tình hình sử dụng thuốc; Biên bản họp của hội đồng thuốc và điều trị*).

2.2.4. Cơ sở y tế không có kế hoạch sử dụng thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 nêu trên, đề nghị các đơn vị có công văn xác nhận gửi về Trung tâm để tổng hợp và báo cáo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin liên hệ Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, SĐT: 024 6273 2383 hoặc liên hệ số điện thoại cán bộ đầu mối các miền: miền Bắc (ThS Nghĩa: 0965072221); miền Trung và khu vực Tây Nguyên: (ThS Đức: 0915256286); miền Nam (DS Pháp: 0787744738).



Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia kính đề nghị đồng chí Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Lê Đức Luận (để báo cáo);
- Vụ/Cục: KHTC, Quản lý Dược;
- PGĐ Nguyễn Đại Hùng;
- Lưu: VT, NVĐT.



PHỤ LỤC I: 28 DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2024 - 2026

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Clavulanic Acid	Nhóm 1	875mg + 125mg	uống	viên	viên	6.800
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Clavulanic Acid	Nhóm 2	875mg + 125mg	uống	viên	viên	6.790
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	Nhóm 1	10mg	uống	viên	viên	900
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	Nhóm 2	10mg	uống	viên	viên	305
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	Nhóm 1	20mg	uống	viên	viên	1.700
6	C10AA05.02.01.N2	Atorvastatin	Nhóm 2	20mg	uống	viên	viên	390
7	C07AB07.01.01.N1	Bisoprolol fumarate	Nhóm 1	5mg	uống	viên	viên	730
8	C07AB07.01.01.N2	Bisoprolol fumarate	Nhóm 2	5mg	uống	viên	viên	600
9	L01BC06.01.01.N1	Capecitabin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	38.430
10	L01BC06.01.01.N2	Capecitabin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	7.900
11	J01DB04.01.01.N1	Cefazolin	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Ống/Lọ	26.000
12	J01DB04.01.01.N2	Cefazolin	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	Thuốc tiêm	Ống/Lọ	18.900
13	J01DE01.02.06.N1	Cefepime	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	43.700
14	J01DE01.02.06.N2	Cefepime	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	26.400
15	J01DD01.02.06.N1	Cefotaxime	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	12.390
16	J01DD01.02.06.N2	Cefotaxime	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	7.140
17	J01DD01.01.06.N1	Cefotaxime	Nhóm 1	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	29.400
18	J01DD01.01.06.N2	Cefotaxime	Nhóm 2	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	14.490
19	J01DD02.02.06.N1	Ceftazidime	Nhóm 1	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	21.525
20	J01DD02.02.06.N2	Ceftazidime	Nhóm 2	1g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	14.910
21	J01DD02.01.06.N1	Ceftazidime	Nhóm 1	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	39.480
22	J01DD02.01.06.N2	Ceftazidime	Nhóm 2	2g	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	25.935
23	J01DH51.01.06.N1	Imipenem + Cilastatin	Nhóm 1	500mg + 500mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	64.940
24	J01DH51.01.06.N2	Imipenem + Cilastatin	Nhóm 2	500mg + 500mg	tiêm/truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	64.940

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
25	J01FA09.01.01.N1	Clarithromycin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	16.900
26	J01FA09.01.01.N2	Clarithromycin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	6.200
27	A02BC05.02.01.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	40mg	uống	viên bao tan ở ruột	viên	12.150
28	A02BC05.02.01.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	40mg	uống	viên bao tan ở ruột	viên	1.093
29	A02BC05.02.06.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	38.900
30	A02BC05.02.07.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	21.000
31	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	8.450
32	J01MA12.01.01.N2	Levofloxacin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	1.050
33	C09CA01.01.01.N1	Losartan kali	Nhóm 1	100mg	uống	viên	viên	9.450
34	C09CA01.01.01.N2	Losartan kali	Nhóm 2	100mg	uống	viên	viên	3.160
35	M01AC06.01.01.N1	Meloxicam	Nhóm 1	7,5mg	uống	viên	viên	928
36	M01AC06.01.01.N2	Meloxicam	Nhóm 2	7,5mg	uống	viên	viên	176
37	M01AC06.02.01.N1	Meloxicam	Nhóm 1	15mg	uống	viên	viên	3.200
38	M01AC06.02.01.N2	Meloxicam	Nhóm 2	15mg	uống	viên	viên	450
39	J01DH02.01.06.N1	Meropenem	Nhóm 1	500mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	48.300
40	J01DH02.01.06.N2	Meropenem	Nhóm 2	500mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	48.300
41	J01DH02.02.06.N1	Meropenem	Nhóm 1	1g	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	79.830
42	J01DH02.02.06.N2	Meropenem	Nhóm 2	1g	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Ống/Lọ	79.830
43	J01MA14.01.06.N1	Moxifloxacin	Nhóm 1	(1,6mg/ml) x 250ml	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	325.000
44	J01MA14.01.06.N2	Moxifloxacin	Nhóm 2	(1,6mg/ml) x 250ml	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	259.980
45	A02BC02.01.01.N1	Pantoprazole	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	1.090
46	A02BC02.01.01.N2	Pantoprazole	Nhóm 2	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	775
47	A02BC02.01.07.N1	Pantoprazole	Nhóm 1	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	68.450
48	A02BC02.01.07.N2	Pantoprazole	Nhóm 2	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	21.500
49	N02AJ13.01.01.N1	Paracetamol + Tramadol hydrochloride	Nhóm 1	325mg + 37,5mg	uống	viên	viên	4.137

(Chữ ký)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
50	N02AJ13.01.01.N2	Paracetamol + Tramadol hydrochloride	Nhóm 2	325mg + 37,5mg	uống	viên	viên	2.310
51	L01BA04.01.06.N1	Pemetrexed	Nhóm 1	100mg	tiêm/truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	3.900.000
52	L01BA04.01.06.N2	Pemetrexed	Nhóm 2	100mg	tiêm/truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	635.000
53	L01BA04.02.06.N1	Pemetrexed	Nhóm 1	500mg	tiêm/truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	16.747.500
54	L01BA04.02.06.N2	Pemetrexed	Nhóm 2	500mg	tiêm/truyền	Thuốc tiêm đông khô	Ống/Lọ	1.538.000
55	N06BX03.01.01.N1	Piracetam	Nhóm 1	800mg	uống	viên	viên	1.225
56	N06BX03.01.01.N2	Piracetam	Nhóm 2	800mg	uống	viên	viên	669

[Signature]



PHỤ LỤC 1.a: DANH SÁCH SỞ Y TẾ CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ

STT	TÊN SỞ Y TẾ	NỘI DUNG
Miền Bắc		
1	Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
2	Sở Y tế tỉnh Cao Bằng	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
3	Sở Y Tế tỉnh Hà Giang	- Đề nghị Sở Y tế bổ sung đóng dấu Biên bản họp Hội đồng thẩm định của Sở Y tế (chưa đóng dấu) - Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
4	Sở Y tế tỉnh Nam Định	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
5	Sở Y tế thành phố Hải Phòng/TTKN Thành phố	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
6	Sở Y Tế tỉnh Bắc Kạn	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
7	Sở Y Tế tỉnh Hà Nam	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
8	Sở Y Tế thành phố Hà Nội/TTKN Thành phố	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
9	Sở Y Tế Hòa Bình	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
10	Sở Y Tế Hưng Yên	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
11	Sở Y Tế Lai Châu	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
12	Sở Y Tế Ninh Bình	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
13	Sở Y Tế Phú Thọ	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
14	Sở Y Tế Quảng Ninh	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)

[Handwritten signature]

STT	TÊN SỞ Y TẾ	NỘI DUNG
15	Sở Y Tế Sơn La	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
16	Sở Y Tế Thái Bình	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
17	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
18	Sở Y Tế Yên Bái	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng (trong biểu mẫu 02)
Miền Trung		
19	Sở Y Tế tỉnh Bình Thuận	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh.
20	Sở Y tế tỉnh Bình Định	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
21	Sở Y Tế tỉnh Đắk Nông	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. - Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
22	Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
23	Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. - Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
24	Sở Y Tế tỉnh Kon Tum	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
25	Sở Y Tế tỉnh Nghệ An	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
26	Sở Y Tế tỉnh Ninh Thuận	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
27	Sở Y tế tỉnh Phú Yên	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
28	Sở Y tế tỉnh Quảng Trị	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh.
29	Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
30	Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng

(Chữ ký)

STT	TÊN SỞ Y TẾ	NỘI DUNG
Miền Nam		
31	Sở Y tế tỉnh An Giang	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
32	Sở Y tế Bà Rịa Vũng Tàu	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
33	Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. - Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
34	Sở Y tế tỉnh Bến Tre	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
35	Sở Y Tế tỉnh Bình Phước	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. - Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
36	Sở Y tế tỉnh Cà Mau	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
37	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
38	Sở Y Tế tỉnh Đồng Tháp	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. - Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
39	Sở Y tế tỉnh Hậu Giang	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
40	Sở Y Tế tỉnh Kiên Giang	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh.
41	Sở Y tế tỉnh Long An	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
42	Sở Y tế tỉnh Tây Ninh	- Bổ sung ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh. - Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
43	Sở Y tế thành phố Cần Thơ	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
44	Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng

STT	TÊN SỞ Y TẾ	NỘI DUNG
45	Sở Y tế tỉnh Trà Vinh	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng
46	Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long	- Bổ sung giải trình của các CSYT trong địa bàn đối với trường hợp dự trù trên 130%, năm trước chưa sử dụng

[Signature]

ducdt.tms_Dau Thanh Duc_23/04/2024 16:55:27



PHỤ LỤC I.b: DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ

STT	TÊN CƠ SỞ Y TẾ	TÊN CƠ SỞ Y TẾ	Nội dung
Miền Bắc			
1	Bộ Y tế	Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Mắt Trung ương	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Tuệ Tĩnh - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Viện Huyết học - Truyền máu TW	-Đề nghị Bệnh viện Bổ sung Cam kết sử dụng 80% -Đề nghị Bệnh viện bổ sung biểu mẫu 01
		Bệnh viện Nội tiết Trung ương	-Đề nghị Bệnh viện nộp bản cứng dự trữ.
		Bệnh viện Bạch Mai	-Đề nghị Bệnh viện nộp bản cứng dự trữ và nộp dự trữ trên hệ thống TTMS
2	Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh	Bệnh viện Phổi	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
		TTYT huyện Gia Bình	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
3	Sở Y tế tỉnh Cao Bằng	Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hòa	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
		Trung tâm y tế huyện Hạ Lang	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
4	Sở Y tế tỉnh Hà Giang	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
5	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
6	Sở Y Tế Bắc Kạn	Phòng khám Đa khoa Việt Đức	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
7	Sở Y Tế Hà Nam	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam, TTYT huyện Thanh Liêm	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
8	Sở Y Tế Hà Nội	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Trung tâm Y tế quận Đống Đa	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
9	Sở Y Tế Hòa Bình	Trung tâm Y tế huyện Mai Châu	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
10	Sở Y Tế Hưng Yên	Trung tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
11	Sở Y Tế Lai Châu	Trung tâm y tế huyện Mường Tè, Bệnh viện đa khoa tỉnh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
12	Sở Y Tế Ninh Bình	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh, Trung tâm y tế thành phố Ninh Bình, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế huyện Yên Mô	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
13	Sở Y Tế Phú Thọ	Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn, Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
14	Sở Y Tế Quảng Ninh	Trung tâm y tế huyện Ba Chẽ, Bệnh viện đa khoa Hạ Long, Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uông bí	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
15	Sở Y Tế Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu, Bệnh viện đa khoa huyện Sốp Cộp, Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên, Bệnh viện đa khoa huyện Phù Yên, Bệnh viện phổi, Bệnh viện đa khoa Tháo, Bệnh Viện Tâm thần tỉnh Sơn La, Nguyên huyện Mộc Châu, Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn, Bệnh viện Phong và Da liễu, Bệnh viện y dược cổ truyền	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02

(Handwritten signature)

STT	TÊN SỞ Y TẾ	TÊN CƠ SỞ Y TẾ	Nội dung
16	Sở Y Tế Thái Bình	Bệnh viện đa khoa huyện Vũ Thư, Bệnh viện Lão khoa Phước Hải- Chi nhánh công ty cổ phần bệnh viện Phước Hải, Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ, Bệnh viện đa khoa Thái Thụy, Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải, Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương, Bệnh viện đa khoa Phúc Sơn, Bệnh viện đa khoa Phụ Dực, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hưng, Bệnh viện đa khoa thành phố Thái Bình, Bệnh viện đa khoa Lâm Hòa Hưng Hà, Bệnh viện đa khoa Hưng Hà, Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
17	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Phòng khám Đa khoa Hà Thành, Bệnh viện quân y 109. Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Vĩnh Phúc	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
18	Sở Y Tế Yên Bái	Bệnh viện đa khoa Trường Đức	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản BM02
Miền Trung			
6	Bộ Y tế	Bệnh viện C Đà Nẵng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế cơ sở 2	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện 71 Trung ương	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Trung ương Huế	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
7	Sở Y tế tỉnh Bình Định	Bệnh viện Quân Y 13 - Cục Hậu cần Quân khu 5	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa tỉnh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
8	Sở Y Tế Đắk Lắk	Công ty TNHH Bệnh viện Nhi Đức Tâm	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Công ty Trách nhiệm hữu hạn bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Đại học Y dược Buôn Ma Thuột	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
9	Sở Y Tế Đắk Nông	Bệnh viện đa khoa tỉnh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
10	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	-Bổ sung Biên bản hội đồng thuốc.
		Bệnh viện Đa khoa Thị xã Kỳ Anh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Hương Sơn	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	-Chưa cam kết sử dụng 80%
		Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
11	Sở Y Tế Khánh Hòa	Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Tâm Trí Nha Trang	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Nhiệt đới	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
12	Sở Y Tế Kon Tum	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Tư Mờ Rồng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế thành phố KOn Tum	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
13	Sở Y tế Nghệ An	Trung tâm y tế huyện Tương Dương	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Phổi Nghệ An	-Bổ sung Biên bản họp Hội đồng thuốc điều trị
		Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa An Phát	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Khu vực Tây Nam tỉnh Nghệ An	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
14	Sở Y Tế tỉnh Ninh Thuận	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện chuyên khoa da liễu - Tâm thần tỉnh Ninh Thuận	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
15	Sở Y Tế Phú Yên	Trung Tâm Y Tế huyện Đồng Xuân	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Sông Hinh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Phú Hòa	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Tây Hòa	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung Tâm Y tế huyện Tuy An	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
16	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dịch vụ Y tế Minh Quang	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
Miền Nam			

STT	TÊN SỞ Y TẾ	TÊN CƠ SỞ Y TẾ	Nội dung
17	Bộ Y tế	Bệnh viện Răng-Hàm-Mặt Trung ương TP.Hồ Chí Minh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Thống Nhất	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Chợ Rẫy	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
18	Sở Y Tế An Giang	Trung tâm y tế huyện An Phú	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
19	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	TTYT Phú Mỹ	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Bà Rịa	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế TP Bà Rịa	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		TTYT Long Điền	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
20	Sở Y tế tỉnh Bạc Liêu	Bệnh viện đa khoa Thanh vũ MEDIC	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Đông Hải	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa huyện Hồng Dân	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Bạc Liêu	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện chuyên khoa tâm thần	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
21	Sở Y Tế Bến Tre	Trung Tâm Y tế Thành phố Bến Tre	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
22	Sở Y Tế Bình Phước	Trung tâm Y tế huyện Lộc Ninh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung Tâm Y Tế huyện Đồng Phú	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Hớn Quản	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung Tâm Y Tế Thị xã Phước Long	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế Bù Đăng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Cao su Bình Long	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế thị xã Bình Long	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Ban Bảo Vệ Chăm Sóc Sức Khỏe	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh xá công an tỉnh Bình Phước	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Cao su Phú Riềng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế Thị xã Đồng Xoài	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Cao su Lộc Ninh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Bù Đốp	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Phước	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
23	Sở Y Tế Cà Mau	Trung tâm y tế huyện U Minh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Phòng khám đa khoa Minh Đức	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Phòng Khám đa khoa Thanh vũ Medic Cà Mau	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Đa khoa Trần Văn Thời	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Công ty TNHH bệnh viện Medic Cà Mau	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Phòng khám đa khoa Thành Lợi	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
24	Sở Y Tế Đồng Nai	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Thống Nhất	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Long Thành	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
25	Sở Y Tế Đồng Tháp	Trung tâm y tế huyện Tân Phú	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
26	Sở Y Tế Hậu Giang	Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Công ty TNHH Lạc Tỷ II	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Công ty TNHH Bệnh viện ĐK số 10	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
27	Sở Y Tế Long An	Công ty TNHH BV ĐKTN Long An Segaero	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản

STT	TÊN SỞ Y TẾ	TÊN CƠ SỞ Y TẾ	Nội dung
28	Sở Y Tế Sóc Trăng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA SẢN NHI	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Chuyên khoa Mắt tư nhân tỉnh Sóc Trăng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện 30 tháng 4 tỉnh Sóc Trăng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quân dân y tỉnh Sóc Trăng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Sóc Trăng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế thị xã Ngã Năm	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
29	Sở Y Tế Tây Ninh	Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng - PHCN	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế Bến Cầu	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế Trảng Bàng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế Dương Minh Châu	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế Hòa Thành	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
30	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Bệnh viện đa khoa tư nhân Lê Ngọc Tùng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		BV đa khoa huyện Vĩnh Thạnh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Chi nhánh công ty CP đầu tư và thương mại Phương Châu bệnh viện d	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		BV Nhi đồng	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
31	Sở Y Tế Thành phố Hồ Chí Minh	BV đa khoa Quận Thốt Nốt	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Nhân Ái	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Nhi đồng Thành phố	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Công An TP.HCM	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Hùng Vương	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 11	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh Xá Sư đoàn 9/Quân đoàn 4	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng TP.Hồ Chí Minh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện huyện Củ Chi	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quận 6	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế Huyện Bình Chánh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Trưng Vương	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Bưu Điện - Cơ sở I	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Bình Dân	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện huyện Bình Chánh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quận Phú Nhuận	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Lê Văn Thịnh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quận Bình Tân	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Viện Y Dược học dân tộc	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quận Tân Bình	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Từ Dũ	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quận Tân Phú	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Quận 8	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
32	Sở Y Tế Trà Vinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Trà Vinh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế huyện Trà Cú	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm Y tế Thị xã Duyên Hải	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
33	Sở Y Tế Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa khu vực Hòa Phú	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Khu vực kết Hợp Quân dân Y	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung Tâm Y Tế huyện Tam Bình	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế thị xã Bình Minh	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản
		Trung tâm y tế huyện Long Hồ	-Bổ sung thuyết minh, giải trình một số khoản



PHỤ LỤC II.22 DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2025 - 2026

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
1	C08CA01.0 1.01.N1	Amlodipine	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	378
2	C08CA01.0 1.01.N2	Amlodipine	Nhóm 2	5mg	Uống	Viên	Viên	235
3	J01CR02.01 .01.N1	Amoxicilin; Clavulanic acid	Nhóm 1	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	4.200
4	J01CR02.01 .01.N2	Amoxicilin; Clavulanic acid	Nhóm 2	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	3.500
5	J01DD04.01 .06.N1	Ceftriaxone	Nhóm 1	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	14.091
6	J01DD04.01 .06.N2	Ceftriaxone	Nhóm 2	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	9.660
7	J01DC02.03 .06.N1	Cefuroxime	Nhóm 1	750mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	14.910
8	J01DC02.03 .06.N2	Cefuroxime	Nhóm 2	750mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	10.290
9	J01DC02.04 .06.N1	Cefuroxime	Nhóm 1	1500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	26.900
10	J01DC02.04 .06.N2	Cefuroxime	Nhóm 2	1500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	21.000
11	J01DB01.01 .01.N1	Cephalexine	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên	3.800
12	J01DB01.01 .01.N2	Cephalexine	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên	Viên	1.680
13	J01MA02.0 1.01.N1	Ciprofloxacin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên	2.800
14	J01MA02.0 1.01.N2	Ciprofloxacin	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên	Viên	889
15	B01AC04.0 1.01.N1	Clopidogrel	Nhóm 1	75mg	Uống	Viên	Viên	1.048
16	B01AC04.0 1.01.N2	Clopidogrel	Nhóm 2	75mg	Uống	Viên	Viên	485
17	A02BC05.0 1.04.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	8.925
18	A02BC05.0 1.04.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	760
19	C09DA01.0 1.01.N1	Hydrochlorothiazide; Losartan Kali	Nhóm 1	12,5mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	5.880
20	C09DA01.0 1.01.N2	Hydrochlorothiazide; Losartan Kali	Nhóm 2	12,5mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	710
21	C09CA04.0 1.01.N1	Irbesartan	Nhóm 1	150mg	Uống	Viên	Viên	1.918
22	C09CA04.0 1.01.N2	Irbesartan	Nhóm 2	150mg	Uống	Viên	Viên	855
23	J01MA12.0 1.06.N1	Levofloxacin	Nhóm 1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	63.000
24	J01MA12.0 1.06.N2	Levofloxacin	Nhóm 2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	63.000

[Handwritten signature]

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
25	C09CA01.0 1.01.N1	Losartan Kali	Nhóm 1	50mg	Uống	Viên	Viên	1.390
26	C09CA01.0 1.01.N2	Losartan Kali	Nhóm 2	50mg	Uống	Viên	Viên	441
27	A02BC01.0 1.04.N1	Omeprazole	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2.045
28	A02BC01.0 1.04.N2	Omeprazole	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	215
29	A02BC01.0 2.06.N1	Omeprazole	Nhóm 1	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ	32.361
30	A02BC01.0 2.06.N2	Omeprazole	Nhóm 2	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ	30.890
31	N02BE01.0 1.06.N1	Paracetamol	Nhóm 1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	16.448
32	N02BE01.0 1.06.N2	Paracetamol	Nhóm 2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	16.448
33	N02BF02.01 .01.N1	Pregabalin	Nhóm 1	75mg	Uống	Viên	Viên	5.519
34	N02BF02.01 .01.N2	Pregabalin	Nhóm 2	75mg	Uống	Viên	Viên	1.650
35	A02BC04.0 1.04.N1	Rabeprazole Natri	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	10.850
36	A02BC04.0 1.04.N2	Rabeprazole Natri	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2.700
37	C10AA07.0 2.01.N1	Rosuvastatin	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên	Viên	2.100
38	C10AA07.0 2.01.N2	Rosuvastatin	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên	Viên	854
39	C10AA07.0 1.01.N1	Rosuvastatin	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên	Viên	1.185
40	C10AA07.0 1.01.N2	Rosuvastatin	Nhóm 2	10mg	Uống	Viên	Viên	474
41	C09CA07.0 1.01.N1	Telmisartan	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên	Viên	2.586
42	C09CA07.0 1.01.N2	Telmisartan	Nhóm 2	40mg	Uống	Viên	Viên	500
43	C09CA03.0 1.01.N1	Valsartan	Nhóm 1	80mg	Uống	Viên	Viên	3.800
44	C09CA03.0 1.01.N2	Valsartan	Nhóm 2	80mg	Uống	Viên	Viên	1.550

(Chữ ký)

BIỂU MẪU 01

Tên cơ sở y tế:
Mã cơ sở y tế:
Tỉnh:



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA
(Kèm theo công văn số **588** /TTMS-NVDT ngày **23** tháng 4 năm 2024)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng sử dụng từ 01/01/2023-31/12/2023	Số lượng đề xuất năm 1					Số lượng đề xuất năm 2				Tổng cộng 2 năm	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)
									Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Cộng			
1	C08CA01.01.01.N1	Amlodipine	Viên	5mg	Uống	Nhóm 1	Viên												378	
2	C08CA01.01.01.N2	Amlodipine	Viên	5mg	Uống	Nhóm 2	Viên												235	
3	J01CR02.01.01.N1	Amoxicilin; Clavulanic acid	Viên	500mg; 125mg	Uống	Nhóm 1	Viên												4.200	
4	J01CR02.01.01.N2	Amoxicilin; Clavulanic acid	Viên	500mg; 125mg	Uống	Nhóm 2	Viên												3.500	
5	J01DD04.01.06.N1	Ceftriaxone	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm	Nhóm 1	Chai/Lọ												14.091	
...																				
...																				

- Số lượng đề xuất năm 1 và số lượng đề xuất năm 2 được tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2026
- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (thêm, xóa, ẩn bất kì cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.
- Cơ sở y tế dự trù thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liền kề phải nhập "x" vào ô "chưa sử dụng" tại file mẫu.
- Lưu ý:**
- Cơ sở y tế dự trù thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liền kề nhưng không có số lượng thanh toán bảo hiểm y tế kì trước phải nhập "x" vào ô "chỉ dùng cho dịch vụ" tại file mẫu.
 - Cơ sở y tế cập nhật đúng tên theo con dấu và cập nhật số điện thoại liên hệ trên phần mềm của Trung tâm trước khi lập dự trù
 - Cơ sở y tế không nhập dự trù vào Q4 của Số lượng đề xuất năm 2 trên phần mềm của Trung tâm

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:.....

E

Tên cơ sở y tế:
Mã cơ sở y tế:
Tỉnh:



BẢO CAO TÍNH HÍNH SỬ DỤNG CÁC THUỐC CÓ HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG CÙNG CÁC THUỐC
THUỐC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA
 (Kèm theo công văn số 588 /TTMS-NVĐT ngày 23 tháng 4 năm 2024)

[illegible]

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phiên bản:.....



SỞ Y TẾ

BIỂU MẪU 03

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA
(Kèm theo công văn số 588 /TTMS-NVĐT ngày 23 tháng 4 năm 2024)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng sử dụng từ 01/01/2023-31/12/2023	Số lượng đề xuất năm 1					Số lượng đề xuất năm 2				Tổng cộng 2 năm	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)
									Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3			
1	C08CA01.01.01.N1	Amlodipine	Viên	5mg	Uống	Nhóm 1	Viên												378	
2	C08CA01.01.01.N2	Amlodipine	Viên	5mg	Uống	Nhóm 2	Viên												235	
3	J01CR02.01.01.N1	Amoxicilin; Clavulanic acid	Viên	500mg; 125mg	Uống	Nhóm 1	Viên												4.200	
4	J01CR02.01.01.N2	Amoxicilin; Clavulanic acid	Viên	500mg; 125mg	Uống	Nhóm 2	Viên												3.500	
5	J01DD04.01.06.N1	Ceftriaxone	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm	Nhóm 1	Chai/Lọ												14.091	
...																				

- Số lượng đề xuất năm 1 và số lượng đề xuất năm 2 được tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2026
- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (thêm, xóa, ẩn bất kì cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.
- Cơ sở y tế dự trữ thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liền kề phải nhập "x" vào ô "chưa sử dụng" tại file mẫu.
- Cơ sở y tế dự trữ thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liền kề nhưng không có số lượng thanh toán bảo hiểm y tế kì trước phải nhập "x" vào ô "chỉ dùng cho dịch vụ" tại file mẫu.
- Cơ sở y tế cập nhật đúng tên theo con dấu và cập nhật số điện thoại liên hệ trên phần mềm của Trung tâm trước khi lập dự trữ
- Cơ sở y tế không nhập dự trữ vào Q4 của Số lượng đề xuất năm 2 trên phần mềm của Trung tâm

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:.....

Phiên bản:.....

[Handwritten signature]

SỞ Y TẾ

BIỂU MẪU 04



BÁO CÁO TỔNG HỢP MẪU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA (CHI TIẾT THEO CƠ SỞ Y TẾ)
(Kèm theo công văn số 568 /TTMS-NVĐT ngày 23 tháng 4 năm 2024)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Tổng cộng 2 năm	Số lượng đề xuất năm 1					Số lượng đề xuất năm 2				Số lượng sử dụng từ 01/01/2023 - 31/12/2023	Tỉ lệ thanh toán BHYT (%)	Đơn vị dự trù
									Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3			
1	C08CA01.01.01.N1	Amlodipine	Viên	5mg	Uống	Nhóm 1	Viên													
2	C08CA01.01.01.N2	Amlodipine	Viên	5mg	Uống	Nhóm 2	Viên													
3	J01CR02.01.01.N1	Amoxicilin; Clavulanic acid	Viên	500mg; 125mg	Uống	Nhóm 1	Viên													
4	J01CR02.01.01.N2	Amoxicilin; Clavulanic acid	Viên	500mg; 125mg	Uống	Nhóm 2	Viên													
5	J01DD04.01.06.N1	Ceftriaxone	Thuốc tiêm	1000mg	Tiêm	Nhóm 1	Chai/Lọ													
...																				

- Số lượng đề xuất năm 1 và số lượng đề xuất năm 2 được tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2026
- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (thêm, xóa, ẩn bất kì cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.
- Cơ sở y tế dự trù thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liền kề phải nhập "x" vào ô "chưa sử dụng" tại file mẫu.
- Lưu ý:**
- Cơ sở y tế dự trù thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liền kề nhưng không có số lượng thanh toán bảo hiểm y tế thì trước phải nhập "x" vào ô "chỉ dùng cho dịch vụ" tại file mẫu.
 - Cơ sở y tế cập nhật đúng tên theo con dấu và cập nhật số điện thoại liên hệ trên phần mềm của Trung tâm trước khi lập dự trù
 - Cơ sở y tế không nhập dự trù vào Q4 của Số lượng đề xuất năm 2 trên phần mềm của Trung tâm

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:.....

Phiên bản:.....

[Handwritten signature]